TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09-4-2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhựt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Hùng;

2. Bà Cù Thị Ngọc Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Cảnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa: Ông Trần Huy Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 557/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Trúc G, sinh năm 1990; Cư trú: Tổ A, ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Chánh T, sinh năm 1975; Cư trú: Tổ 18, ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Trúc G trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà và ông Nguyễn Chánh T do mai mối, được gia đình đồng ý nên tiến đến hôn nhân, chung sống từ năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã T, tỉnh An Giang. Thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là không hòa hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, ông T

xua đuổi bà G khỏi nhà. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không còn chung sống với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, bà G yêu cầu xin được ly hôn với ông Nguyễn Chánh T.

- Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 16/5/2008 và Nguyễn Phú T2, sinh ngày 03/11/2010; sau khi ly hôn bà G yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác cho ông Nguyễn Chánh T nhưng ông T vắng mặt, không có văn bản ý kiến về nội dung yêu cầu khởi kiện, vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hàn gắn tình cảm nhưng bà G không đồng ý đoàn tụ chung sống.

Tại phiên tòa, bà G vẫn giữ yêu cầu xin được ly hôn ông Nguyễn Chánh T, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Ông Nguyễn Chánh T được triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt và không có đơn xin vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực đúng hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ giai đoạn thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị Trúc G đối với ông Nguyễn Chánh T; giao con chung Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 16/5/2008 và Nguyễn Phú T2, sinh ngày 03/11/2010 cho bà Trần Thị Trúc G nuôi sau khi ly hôn, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Bà Trần Thị Trúc G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Trần Thị Trúc G khởi kiện xin được ly hôn với ông Nguyễn Chánh T có nơi cư trú tại Vĩnh Thạnh B, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, ông Nguyễn Chánh T được triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt và không có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Chánh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Trần Thị Trúc G và ông Nguyễn Chánh T do tự tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã T, tỉnh An Giang nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là không hòa hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi nên không hạnh phúc, cả hai không còn liên lạc gì với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Gia đình đã hàn gắn tình cảm nhưng cả hai không chấp nhận chung sống lại với nhau.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tại địa phương, người thân xác định nguyên nhân mâu thuẫn đúng như lời bà Trần Thị Trúc G trình bày.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng bà G, ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến giải quyết vụ án của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 16/5/2008 và Nguyễn Phú T2, sinh ngày 03/11/2010.

Xét thấy từ khi bà G, ông T không chung sống với nhau thì bà G trực tiếp nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục con; các cháu có nguyện vọng sống chung với bà G sau khi cha mẹ ly hôn nên yêu cầu được nuôi con chung của bà G là có căn cứ chấp nhận. Công nhận sự tự nguyện của bà G không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 271, Điều 273; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2005; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị Trúc G được ly hôn ông Nguyễn Chánh T.

- Về con chung: Bà G được nuôi cháu Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 16/5/2008 và Nguyễn Phú T2, sinh ngày 03/11/2010. Công nhận sự tự nguyện của bà G không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về án phí: Bà Trần Thị Trúc G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007807 ngày 22/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu (bà G đã nộp đủ).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Trúc G có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Chánh T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

N*ơi nhận:*
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND Tx.Tân Châu;
- Chi cục THADS Tx.Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã đăng ký kết hôn (nếu có);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Minh Nhựt